

XÂY DỰNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

• Võ Công Danh^(*), Bùi Ngọc Quang^(*)

Tóm tắt

Bài viết mô tả các cơ sở lý thuyết cho việc xây dựng và đánh giá câu hỏi trắc nghiệm khách quan và trình bày cái nhìn tổng quan về phương pháp trắc nghiệm bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử hình thành, ưu và nhược điểm, các bước xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, công thức đánh giá chất lượng câu hỏi thi... Tác giả cũng liên hệ thực trạng của việc xây dựng ngân hàng đề thi tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh để nhận diện các tồn tại và đề xuất một số kiến nghị, hướng đến việc áp dụng tối ưu phương pháp đánh giá này tại Trường.

Từ khóa: trắc nghiệm khách quan, ngân hàng câu hỏi, kiểm tra đánh giá, kết quả học tập.

1. Đặt vấn đề

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là khâu quan trọng, không tách rời hoạt động dạy và học ở nhà trường. Kiểm tra và đánh giá là hai công việc được tiến hành theo trình tự nhất định hoặc đan xen lẫn nhau nhằm xác định, về cả định lượng và định tính, kết quả học tập, mức độ lĩnh hội cũng như khả năng vận dụng kiến thức - kỹ năng của người học; vì vậy, việc xác định phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập một cách khoa học là cần thiết.

Có nhiều phương pháp để đánh giá kết quả

học tập của người học, trong đó có 4 phương pháp được áp dụng phổ biến là: Kiểm tra viết tự luận; Kiểm tra vấn đáp; Kiểm tra thực hành; Kiểm tra trắc nghiệm khách quan (TNKQ).

Mỗi phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đều có những ưu điểm và hạn chế. Việc so sánh các phương pháp với nhau cho thấy: với phạm vi đánh giá tương đối rộng, phương pháp TNKQ đáng quan tâm vì nó bao quát được toàn bộ kiến thức của cả quá trình học, có độ tin cậy cao, và đưa ra kết quả nhanh chóng.

Bảng 1. So sánh các phương pháp đánh giá kết quả học tập

Phương pháp đánh giá	Số lượng thí sinh	Số lượng câu hỏi	Phạm vi kiến thức	Thời gian			Ảnh hưởng yếu tố khách quan và chủ quan	Mục tiêu học tập (theo Bloom)
				Ra đề	Làm bài	Chấm bài		
Tự luận	nhiều	ít	hẹp	ngắn	dài	dài	có	5 hay 6
Vấn đáp	ít	ít	hẹp	ngắn	dài	dài	có	4
Thực hành	ít	ít	hẹp	ngắn	dài	dài	có	3
TNKQ	nhiều	nhiều	rộng	dài	ngắn	ngắn	ít	3 hay 4

Nền giáo dục nước ta hiện nay có xu hướng tập trung vào tính chất hiểu rộng, chứ không phải hiểu sâu. Điều đó có nghĩa là người học không phải chỉ theo một hay một số chủ đề trong một môn học mà phải học tập theo hướng chiếm lĩnh toàn bộ kiến thức môn học. Bên cạnh đó, việc số lượng người học ngày càng tăng đồng nghĩa với tỷ lệ thí sinh tham gia kì thi tuyển sinh đại học ngày càng tăng. Dựa vào hai điều trên đây, phương pháp TNKQ được sử dụng là khá phù hợp vì nó đảm bảo được việc kiểm tra số lượng lớn

người học nhưng vẫn đảm bảo được tính khách quan, hạn chế được tính chủ quan, và cũng đảm bảo rằng nội dung kiến thức kiểm tra được là bao quát cho cả môn học.

2. Phương pháp TNKQ

2.1. TNKQ là gì?

“Trắc nghiệm” là từ gốc Hán trong đó “trắc” có nghĩa là đo lường và “nghiệm” có nghĩa là suy xét, chứng thực.

Theo Norman E. Gronlund (1982), “trắc nghiệm là một công cụ hay một quy trình có hệ thống nhằm đo lường mức độ mà một cá nhân đạt được trong một lãnh vực cụ thể” [5].

^(*) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên góc độ chấm điểm, Quentin Stodola và Kalmer Stordahl (1967) cho rằng bài trắc nghiệm là khách quan vì hệ thống chấm điểm không phụ thuộc vào tính chủ quan của người chấm như đối với bài tự luận [7].

2.2. Phương pháp TNKQ phát triển như thế nào?

Xuất hiện từ thế kỷ thứ XIX, phương pháp TNKQ là do một nhà khoa học người Anh Francis Galton nghĩ ra để đo trí thông minh của con người. Năm 1904, Alfred Binet, nhà tâm lý học người Pháp, xây dựng các bài TNKQ để xác định những trẻ em nào bị khiếm khuyết về mặt tâm thần và vì vậy mà không thể tiếp thu bài học theo cách dạy thông thường ở trường. Năm 1910, TNKQ của Alfred Binet được dịch và sử dụng ở Mỹ. Năm 1920, Edward Thorndike, nhà tâm lý học người Mỹ, đã dùng TNKQ để đo trình độ người học. Sau đó, phương pháp này được phát triển và áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

Ở Việt Nam, TNKQ xuất hiện ở miền Bắc từ những năm 1960. Giai đoạn 1956-1960, các trường học ở miền Nam cũng đã sử dụng rộng rãi các hình thức thi TNKQ ở bậc trung học. Sau năm 1975, một số trường đã áp dụng TNKQ song do có những ý kiến trái chiều nên phương pháp này không được sử dụng phổ biến. Cho đến gần đây, vấn đề đánh giá giáo dục và trắc nghiệm kết quả học tập mới nhận được sự quan tâm đặc biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một số trường đại học đã bắt đầu xây dựng ngân hàng đề thi TNKQ cho nhiều môn học phổ biến. Năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thi TNKQ ở môn ngoại ngữ và từ năm 2007 tăng thêm các môn Vật lý, Hóa học, và Sinh học trong các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học.

2.3. Phương pháp TNKQ có hoàn hảo không?

Tương tự như các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác, TNKQ cũng tồn tại những ưu điểm và nhược điểm riêng.

Ưu điểm: Đo được các mức độ của nhận thức (nhận biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, và đánh giá) nhưng với những mức độ phức tạp khác nhau; trong một thời gian ngắn vẫn có thể phân biệt rõ ràng trình độ của người học trên một phạm

vi kiến thức rộng, được dàn trải đều hay tập trung một số trọng tâm theo mục tiêu kiểm tra, đánh giá; có thể đạt được kết quả đánh giá với độ tin cậy cao do không bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác, cả khách quan lẫn chủ quan; có thể cho kết quả chấm bài nhanh, chính xác, và khách quan nhờ sử dụng các phương tiện hiện đại (ví dụ: công nghệ thông tin) trong quá trình chấm bài và phân tích kết quả thi.

Nhược điểm: Còn có những khó khăn, phức tạp trong việc đo lường và đánh giá khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày, đưa ra ý tưởng mới của thí sinh; có khả năng thí sinh chọn câu trả lời đúng là nhờ may mắn; tiêu tốn nhiều thời gian và công sức khi biên soạn các câu hỏi TNKQ.

2.4. Khi sử dụng phương pháp TNKQ phải chú ý điều gì?

Có 3 điều cần lưu ý khi sử dụng phương pháp TNKQ: (i) cần có hệ thống ngân hàng câu hỏi TNKQ đảm bảo được các chỉ số của câu hỏi TNKQ; (ii) sắp xếp các câu hỏi TNKQ đại diện cho nội dung đánh giá theo từng chủ đề và từ dễ đến khó; và (iii) hướng dẫn thí sinh cách thức làm bài TNKQ và tiến hành chấm điểm theo một quy trình chặt chẽ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các câu hỏi trong một bài kiểm tra, đánh giá không được sắp xếp từ dễ đến khó theo từng chủ đề đánh giá nếu điều đó nhằm hạn chế được những sai trái khác nghiêm trọng hơn, ví dụ: sự quay cốp trong khi thí sinh làm bài.

3. Ngân hàng câu hỏi TNKQ


3.1. Xây dựng quy trình làm câu hỏi TNKQ

Để có một ngân hàng câu hỏi TNKQ hoàn chỉnh, cần xây dựng một quy trình với các bước cụ thể sau đây:

Bước 1: Xác định mục tiêu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Đây chính là bước đầu tiên và cũng là bước cơ bản nhất để viết được những câu trắc nghiệm có tính xác trị. Mục tiêu học tập được xác định để định hướng những kết quả cần đạt được sau một quá trình học tập (gọi là chuẩn đầu ra). Căn cứ vào mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra để xác định mục tiêu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu học tập được phân loại như sau:

Bảng 2. Phân loại mục tiêu học tập của Bloom [1]

Các mức	Nội dung của các mức	Nhận thức
6. Đánh giá	Phán xét, phê phán, so sánh, phân biệt, biện luận, đưa ra kết luận, hỗ trợ	Nhận thức cao 
5. Tổng hợp	Kết hợp, sáng tạo, công thức hoá, thiết kế, sáng tác, xây dựng, sắp xếp lại, sửa chữa	
4. Phân tích	Phân biệt, biểu đồ hóa, ước lượng, phân chia, suy luận, sắp xếp trật tự, chia nhỏ ra	
3. Áp dụng	Trình diễn, tính toán, giải quyết, điều chỉnh nhỏ, sắp xếp đơn giản, thao tác, liên hệ	
2. Hiểu	Phân loại, giải thích, tổng hợp lại, biến đổi, dự đoán, phân biệt sự khác nhau giữa hai sự vật, hiện tượng hay vấn đề	
1. Nhận biết	Định dạng, gọi tên, xác định, mô tả, liệt kê, kết nối, lựa chọn, phác thảo	Nhận thức thấp

Nhằm phân loại mức độ nhận thức của người học, ta sử dụng các động từ/từ khóa trong nội dung của 6 mức trong thang đo Bloom để đặt câu hỏi. Ví dụ: Sự khác nhau cơ bản giữa vật chất và ý thức? (Đây là câu hỏi chỉ mức 2, “Hiểu”).

Bước 2: Xây dựng bảng quy định 2 chiều

Bảng quy định 2 chiều (table of specifications), thường được gọi là dàn bài trắc nghiệm [10] hoặc ma trận đề, trong đó, 1 chiều là các đề mục (phân loại mục tiêu về nội dung, liên quan các chủ đề của môn học/bài học) và 1 chiều là các mức độ nhận thức (chọn trong 6 mức nhận thức theo

Bloom). Bảng này rất quan trọng vì làm rõ được hệ thống kiến thức mà người học phải đạt được và nó quy định tỷ lệ % số câu cho từng nội dung và % số câu theo từng mục tiêu nhận thức. Những người được phân công biên soạn câu hỏi sẽ căn cứ vào số câu quy định trong từng chủ đề mà soạn đủ số câu hỏi, giúp hạn chế được tính chủ quan, như vậy mới tạo ra được giá trị nội dung cho các đề TNKQ.

Dưới đây là ví dụ về bảng quy định 2 chiều sử dụng thang đo 3 cấp độ theo hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo [2].

Bảng 3. Khung ma trận đề kiểm tra

Cấp độ Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Hiểu	Áp dụng	Cộng
Chủ đề 1 <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỷ lệ %</i>	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra (Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> ... <i>điểm=...%</i>
Chủ đề 2 <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỷ lệ %</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> ... <i>điểm=...%</i>
.....				
Chủ đề n <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỷ lệ %</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	(Ch) <i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> ... <i>điểm=...%</i>
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm

Bước 3: Soạn thảo bộ câu hỏi trắc nghiệm

Tiến hành soạn thảo (viết và liệt kê) các câu hỏi trắc nghiệm thô dựa trên những mục tiêu học tập đã được xác định ở Bước 1. Việc biên soạn câu

hỏi theo ma trận/bảng quy định 2 chiều ở Bước 2 cần đảm bảo nguyên tắc: mỗi câu hỏi chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm; số lượng câu hỏi và tổng số câu hỏi do ma trận đề quy định.

Bước 4: Tiến hành thử nghiệm (pilot test)

Tiến hành thử nghiệm các câu hỏi bằng cách tổ chức thi thử để có dữ liệu làm cơ sở cho việc phân tích các thuộc tính của câu hỏi. Nên kết hợp giữa việc tổ chức thi/kiểm tra thử với việc lấy điểm số để người tham gia làm bài thật sự nghiêm túc, giúp kết quả thu được có độ tin cậy cao.

Bước 5: Phân tích bài thi và các câu trắc nghiệm

Dựa vào kết quả thi thử thu được ở Bước 4, tiến hành phân tích bài thi và các câu trắc nghiệm theo những thông số sau đây: mức độ dữ liệu phù hợp với mô hình Rasch [4], độ khó, độ phân biệt của các câu hỏi, và mức độ hấp dẫn (mỗi như) của các phương án trả lời.

Bước 6: Hoàn thiện các câu hỏi và đưa vào ngân hàng câu hỏi thi

Sau khi phân tích bài thi và câu hỏi thi, các câu trắc nghiệm có chất lượng tốt, đạt yêu cầu về mức độ phù hợp với mô hình Rasch, độ khó, độ phân biệt, mỗi như các phương án trả lời sẽ được đưa vào ngân hàng câu hỏi để tổ hợp thành đề thi, còn các câu hỏi có chất lượng chưa tốt sẽ được điều chỉnh hoặc loại bỏ ra khỏi ngân hàng câu hỏi thi.

3.2. Xác định độ khó của câu hỏi trắc nghiệm

Khái niệm: *Độ khó* của câu trắc nghiệm là tỷ lệ thí sinh trả lời đúng so với tổng số thí sinh tham gia trả lời câu hỏi đó, được sử dụng rộng rãi đối với các câu hỏi đúng/sai, đa lựa chọn. Theo Osterlind (1989), giá trị độ khó càng lớn thì câu hỏi càng dễ; và độ khó của câu hỏi nên nằm trong khoảng từ 0,4 đến 0,8 [6]. Cũng cần phải xem xét câu trắc nghiệm đó khó hay dễ với đối tượng nào.

Cách tính: Thông dụng nhất là tính độ khó của một câu trắc nghiệm dựa trên tỷ lệ phần trăm số người trả lời đúng câu trắc nghiệm đó so với tổng số người tham gia trả lời trắc nghiệm.

$$\text{Độ khó của câu hỏi thứ } i = \frac{\text{Số người trả lời đúng câu hỏi } i}{\text{Tổng số người tham gia trả lời}}$$

Để xem xét một câu trắc nghiệm có độ khó bao nhiêu là phù hợp, phải tính xác suất làm đúng câu trắc nghiệm, xác suất này thay đổi tùy theo n, số lượng phương án lựa chọn trong mỗi câu trắc nghiệm, hay còn gọi là tỷ lệ may rủi (T).

$$T = \frac{1}{n} \times 100\%$$

Theo Lâm Quang Thiệp (2008) [9], về mặt lý

thuyết, độ khó trung bình (ĐK_{tb}) của một câu hỏi trắc nghiệm có n phương án lựa chọn được xác định như sau:

$$\text{ĐK}_{tb} = \frac{100\% + T}{2}$$

+ $\text{ĐK} \approx \text{ĐK}_{tb}$: câu trắc nghiệm được cho là tốt;

+ $\text{ĐK} < \text{ĐK}_{tb}$: câu trắc nghiệm được cho là khó;

+ $\text{ĐK} > \text{ĐK}_{tb}$: câu trắc nghiệm được cho là dễ.

3.3. Xác định độ phân biệt của câu hỏi trắc nghiệm

Khái niệm: *Độ phân biệt* là khả năng mà câu trắc nghiệm phân loại được người học thành những nhóm có trình độ khác nhau. Sự phân biệt này mô tả chi tiết số người trả lời đúng nằm ở nhóm người đạt điểm cao ở toàn bài so với số người trả lời đúng nằm ở nhóm người đạt điểm thấp toàn bài. Theo Ebel (1965), các câu hỏi của bài thi nên có độ phân biệt bằng 0,3 hoặc cao hơn [3].

$$\text{Cách tính: } \text{ĐPB} = \frac{N_c - N_t}{N}$$

trong đó:

+ N_c : số thí sinh trả lời đúng ở nhóm cao;

+ N_t : số thí sinh trả lời đúng ở nhóm thấp;

+ N: số thí sinh nhóm cao điểm hoặc thấp điểm ở bài trắc nghiệm chiếm khoảng 27% tổng số thí sinh.

3.4. Xác định mức độ lôi cuốn của các phương án trả lời

Mức độ lôi cuốn của các phương án trả lời còn gọi là mức độ lôi cuốn của phương án nhiễu hay độ hấp dẫn của mỗi như. Nếu phương án nhiễu không có ai trả lời hoặc số người lựa chọn thấp thì gọi là mỗi như không hấp dẫn. Tuy nhiên, nếu có quá nhiều người học lựa chọn phương án này hoặc thậm chí nhiều hơn cả lựa chọn phương án đúng thì cần kiểm tra lại xem các phương án trả lời này có gây hiểu lầm không.

Thông thường, các phương án trả lời cho mỗi câu hỏi phải tuân theo nguyên tắc:

+ Câu trả lời đúng: số thí sinh nhóm cao chọn câu này nhiều hơn số thí sinh nhóm thấp;

+ Câu trả lời sai: số thí sinh nhóm cao chọn câu này ít hơn số thí sinh nhóm thấp.

Nếu trái nguyên tắc đó thì phải tiến hành chỉnh sửa: dựa trên những thông số trên cho từng câu trắc

nghiệm thô, người soạn đề sẽ loại bỏ hoặc chỉnh sửa các câu trắc nghiệm này; các câu trắc nghiệm còn lại sau quá trình chỉnh sửa sẽ được tổng hợp thành một ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm tạm cho là đủ độ tin cậy để áp dụng.

3.5. Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm được đưa vào sử dụng chính thức và có giá trị cần thỏa mãn 2 yêu cầu sau:

- Các câu hỏi được đưa vào trong ngân hàng câu hỏi để tổ hợp thành đề thi phải đáp ứng 2 tiêu chí về độ khó và độ phân biệt [8]. Tốt nhất là độ khó ở mức vừa phải và độ phân biệt ở mức tốt. Nhưng không có nhiều câu như vậy, nên tiêu chí ưu tiên là độ phân biệt phải từ khá đến tốt (từ 0,3 trở lên). Về độ khó, có thể chấp nhận các câu dễ, vừa và khó (trong khoảng 0,3 đến 0,9) làm cho ngân hàng đề thi đa dạng và chỉ nên bỏ đi câu quá khó và quá dễ, vì thường các câu như vậy thì độ phân biệt của câu cũng rất kém.

- Các câu hỏi được đưa vào ngân hàng câu hỏi để tổ hợp thành đề thi phải được thử nghiệm nhiều lần (ít nhất 2 lần) để xem tính ổn định của các chỉ số độ khó và độ phân biệt. Các câu hỏi đã sửa sau lần thử 1 cần được thử lần 2 (trên nhóm đối tượng người học tương tự lần 1) để xem các thay đổi ra sao, đặc biệt là chỉ số độ phân biệt có được tăng lên so với lần 1 hay không.

4. Thực trạng xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Thực trạng

Xây dựng và triển khai ngân hàng câu hỏi thi là một trong những tiêu chí tự đánh giá và cho điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm đối với các trường đại học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM), đã ban hành *Chiến lược phát triển công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giai đoạn 2011-2015* (theo Quyết định số 32/QĐ-XHNV-HCTH do Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM ký ban hành ngày 10/5/2012) trong đó có mảng khảo thí. Năm 2012, Nhà trường thành lập *Ban Chỉ đạo xây dựng ngân hàng đề thi và ban hành Quy định xây dựng ngân hàng đề thi tự luận/câu hỏi thi*

trắc nghiệm các môn đại cương (theo Quyết định số 104/QĐ-XHNV-KT&ĐBCL do Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM ký ban hành ngày 29/10/2012). Tính đến nay, Nhà trường đã nghiệm thu được 6 ngân hàng câu hỏi thi là Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị, Thực hành văn bản tiếng Việt (tự luận); Nhân học đại cương (trắc nghiệm) và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (phần I), Chính trị học đại cương (tự luận và trắc nghiệm).

Theo kế hoạch chiến lược phát triển đã nêu ở trên, mỗi năm Nhà trường cố gắng nghiệm thu thêm 10 bộ ngân hàng câu hỏi thi để tiến đến hoàn thành mục tiêu xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và hướng tới mục tiêu xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các môn chuyên ngành thực dạy tại Trường.

4.2. Khó khăn

Quá trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, nhất là ngân hàng câu hỏi TNKQ, gặp nhiều khó khăn, vì:

- Đội ngũ chuyên trách còn hạn chế về năng lực chuyên môn có liên quan đến đo lường và đánh giá trong giáo dục, thiết kế đề thi, đo lường kết quả học tập của sinh viên...;

- Cơ chế về việc xây dựng, quản lý, và sử dụng ngân hàng câu hỏi TNKQ vẫn chưa chặt chẽ; một ví dụ là những xung đột về quyền lợi trước và sau khi có ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm giữa giảng viên và các bên liên quan - cái được cụ thể hóa qua tính chất chưa thật sự thỏa đáng về (i) quyền quản lý sử dụng sản phẩm ngân hàng câu hỏi, và (ii) kinh phí thực hiện ra câu hỏi và kinh phí sử dụng cho việc ra đề, chấm thi;

- Chưa đủ cơ sở vật chất, máy móc - trang thiết bị hiện đại và phần mềm được đầu tư chuyên dụng cho việc xây dựng ngân hàng đề thi/câu hỏi trắc nghiệm cũng như việc nghiệm thu sau khi có được sản phẩm.

4.3. Một số đề xuất, kiến nghị

Nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên ngành thực dạy tại Trường, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất, kiến nghị với Trường như sau:

- Tổ chức những buổi, khóa tập huấn chuyên

sâu dành cho các cá nhân, bộ phận có liên quan về kiến thức chuyên môn trong việc xây dựng ngân hàng câu hỏi TNKQ;

- Tổ chức những buổi trao đổi, tập huấn chuyên sâu dành cho giảng viên về việc thiết kế các loại đề thi, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường;

- Hỗ trợ cơ sở vật chất như phần mềm, máy móc - trang thiết bị... để xây dựng ngân hàng câu hỏi TNKQ;

- Có chủ trương, quan điểm rõ ràng ở cấp Trường về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi TNKQ; chính thức tuyên truyền cho giảng viên và các đối tượng liên quan về tầm quan trọng và lợi ích của việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chung cho toàn Trường;

- Xây dựng cơ chế quản lý việc sử dụng ngân hàng câu hỏi TNKQ.

5. Kết luận

Việc đánh giá kết quả học tập chắc chắn sẽ tác động đến quá trình dạy và học của thầy và trò. Việc đánh giá kết quả học tập giúp người học củng cố và lượng hóa tri thức của mình, nếu chỉ xét riêng tác động của hoạt động này đến quá trình học tập của người học. Trong số nhiều phương pháp đánh giá kết quả học tập, phương pháp sử dụng hình thức thi trắc nghiệm rất đáng quan tâm vì, nếu được áp dụng hợp lý, phương pháp này sẽ tạo ra hiệu quả cao. Việc áp dụng phương pháp này ngay lập tức đòi hỏi phải quản lý và sử dụng hiệu quả một ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm được xây dựng theo một quy trình chặt chẽ gồm nhiều bước. Đây chắc chắn phải là nỗ lực lớn của cả một tập thể gồm các cấp lãnh đạo, giảng viên và các bên liên quan tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bloom, B.S. (1956), *Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain*, David McKay, New York.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra*, ban hành kèm theo công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[3]. Ebel, R. L. (1965), *Measuring Educational Achievement*, Englewood Cliffs: Prentice-Hall.

[4]. Griffin, J. P. (1997), *An introduction to the RASCH model*, University of Melbourne.

[5]. Gronlund, N. E. (1982), *Constructing achievement tests* (3rd ed.), Englewood Cliffs, New Jersey.

[6]. Osterlind, S. J. (1989), *Constructing test items*, Boston: Kluwer Academic.

[7]. Stodola, Q. & Stordahl, K. (1967), *Basic educational tests and measurement*, Science Research Associates, Chicargo.

[8]. Lý Minh Tiên (2004), *Kiểm tra và đánh giá thành quả học tập của học sinh bằng TNKQ*, NXB Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9]. Lâm Quang Thiệp (2008), *Trắc nghiệm và ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.

[10]. Dương Thiệu Tổng (1995), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.

BUILDING AND EVALUATING MULTIPLE-CHOICE QUESTIONS

Summary

The article describes theoretical bases for building and evaluating multiple-choice questions and reviews the literature of multiple-choice questions, including basic concepts, development timelines, advantages and disadvantages, steps to build relevant question banks and formula to evaluate the questions, etc. Also, it mentions the current practice of building and evaluating multiple-choice questions at University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University of Ho Chi Minh City, pointing out shortcomings and providing recommendations to optimally use this testing method at the concerned university.

Keywords: multiple-choice questions, question banks, assessment, learning outcome.

Ngày nhận bài: 7/5/2015; Ngày nhận lại: 10/8/2016; Ngày duyệt đăng: 30/8/2016.